

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vy Văn Lâm.

2. Bà Phạm Phương Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1986, trú tại: Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn N, xã V, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lý Thị T1, sinh năm 1990, trú tại: Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn N, xã V, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Lý Thị T1 kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là xã V), tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Trong thời gian chung sống, ban đầu có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng, vợ chồng vẫn nói chuyện hòa giải được, nhưng từ năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do chị Lý Thị T1 muốn đi làm công ty, còn anh Hoàng Văn T muốn chị làm gần nhà để tiện chăm sóc gia đình, con cái nhưng chị Lý Thị T1 không nghe, nhất quyết đòi đi làm công ty. Kể từ khi đi làm ở công ty, chị Lý Thị T1 thay đổi tính cách, có lối sống không lành mạnh, có nhiều mối quan hệ phức tạp, dần dần không quan tâm đến chồng con, không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, anh Hoàng Văn T đã cố gắng khuyên bảo nhưng không được. Chị Lý Thị T1 còn có thái độ không tôn trọng, khinh thường anh và gia đình nhà chồng. Anh đã nói chuyện với bố mẹ đẻ chị Lý Thị T1 nhờ khuyên bảo nhưng chị vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lý Thị T1.

Về con chung, vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 08/6/2009 và cháu Hoàng Minh C1, sinh ngày 18/7/2014. Hiện nay, cả hai cháu đều đang sinh sống cùng anh. Khi ly hôn, anh Hoàng Văn T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không yêu cầu chị Lý Thị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập, hiện nay anh Hoàng Văn T đang làm lái xe, thu nhập trung bình hàng tháng được hơn 12.000.000 đồng, ngoài ra gia đình còn làm nghề nông nên có thu nhập thêm.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lý Thị T1 không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Kết quả xác minh tại nhà bố đẻ của anh Hoàng Văn T ở thôn N, xã M (nay là xã V), thể hiện: Chị Lý Thị T1 có biết việc anh Hoàng Văn T làm đơn khởi kiện ra Tòa án để xin ly hôn và giải quyết về vấn đề nuôi con nhưng chị Lý Thị T1 bảo bận, không về Tòa án để giải quyết được. Hiện nay, chị Lý Thị T1 vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ thời điểm chị Lý Thị T1 đi làm xa nhà, ít khi về thăm chồng và các con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; ngoài ra, anh Hoàng Văn T phát hiện chị không chung thủy, có quan hệ tình cảm (ngoại tình) với người đàn ông khác; gia đình đã khuyên nhủ nhưng chị vẫn không thay đổi, còn tỏ thái độ khinh thường, không tôn trọng bố mẹ chồng, không quan tâm đến các con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 08/6/2009 và cháu Hoàng Minh C1, sinh ngày 18/7/2014. Hiện nay, cả hai cháu vẫn đang sinh sống cùng anh Hoàng Văn T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T, xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Lý Thị T1. Giao cho anh Hoàng Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị Thùy C sinh ngày 08/6/2009 và cháu Hoàng Minh C1 sinh ngày 18/7/2014 cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị Lý Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh Hoàng Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Lý Thị T1 có nơi cư trú tại thôn N, xã M (nay là xã V), tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án*) (sau đây gọi tắt là *Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung*); Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Lý Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Anh Hoàng Văn T và chị Lý Thị T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là xã V), tỉnh Lạng Sơn và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn T và chị Lý Thị T1 là hoàn toàn hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống, vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Lý Thị T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân, không chung sống cùng nhau, đời sống chung không tồn tại. Vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

[5] Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định:

“3. *“Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: ***Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng sống ly thân,...”***

[6] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lý Thị T1 có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 08/6/2009 và cháu Hoàng Minh C1, sinh ngày 18/7/2014. Quá trình giải quyết, anh Hoàng Văn T thể hiện nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị Thùy C và cháu Hoàng Minh C1 đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện tại cháu Hoàng Thị Thùy C và cháu Hoàng Minh C1 đang sinh sống, học tập ổn định cùng bố là anh Hoàng Văn T, thu nhập trung bình hàng tháng của anh Hoàng Văn T được hơn 12.000.000 đồng, ngoài ra gia đình còn làm nghề nông nên có thu nhập thêm, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Mặt khác, bị đơn chị Lý Thị T1 thường xuyên vắng nhà; quá trình giải quyết, chị Lý Thị T1 biết anh Hoàng Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con nhưng chị Lý Thị T1 không có ý kiến gửi về Tòa án, cũng không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng của bản thân. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn trực

tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Thị Thùy C và cháu Hoàng Minh C1 là mong muốn được ở cùng với bố.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy, nguyên đơn cũng có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung, do nguyên đơn không có yêu cầu.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các nhận định, đánh giá phù hợp với đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Lý Thị T1.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 26-2008, quyển số 01-2007, đăng ký ngày 03/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn)).

2. Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lý Thị T1 có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 08/6/2009 và cháu Hoàng Minh C1, sinh ngày 18/7/2014.

Khi ly hôn, giao cho anh Hoàng Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hoàng Thị Thùy C và cháu Hoàng Minh C1 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Hoàng Văn T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005066 ngày 06/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Lạng Sơn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã được chuyển về tài khoản số 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước khu vực V – Phòng nghiệp vụ 2.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 – Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt